**MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ II NĂM HỌC 2023-2024**

**MÔN: TOÁN LỚP: 8 - THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 phút**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chủ đề** | **Nội dung/Đơn vị kiến thức** | **Mức độ đánh giá** | | | | | | | | | | **Tổng điểm**  **(%)** |
| **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | | **Vận dụng cao** | | |  |
| **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | | **TL** |  | |
| 1 | **Phân thức đại số.** | *Phân thức đại số. Tính chất cơ bản của phân thức đại số. Các phép toán cộng, trừ, nhân, chia các phân thức đại số.* | 3  C1,C2,C3 |  |  | 1  (B1a) |  |  |  | |  | **1,75**  **(17,5%)** | |
| 2 | **Phương trình.** | *Phương trình bậc nhất.* |  |  |  | 1  (B1b) |  |  |  | | 1  (B5) | **1,5**  **(15%)** | |
| 3 | **Hàm số và đồ thị.** | *Hàm số và đồ thị.* | 2  C4,C5 |  |  |  |  |  |  | |  | **0,5**  **(5%)** | |
| *Hàm số bậc nhất y = ax + b (a 0) và đồ thị. Hệ số góc của đường thẳng y = ax + b (a 0).* | 1  C6 |  |  |  |  | 1  (B1c) |  | |  | **1,25**  **(12,5%)** | |
| 4 | **Một số yếu tố xác suất** | *Mô tả xác suất của biến cố ngẫu nhiên trong một số ví dụ đơn giản. Mối liên hệ giữa xác suất thực nghiệm của một biến cố với xác suất của biến cố đó.* | 2  C11,  C12 | 1  (B2a) |  | 1  (B2b) |  |  |  | |  | **2**  **(20%)** | |
| 5 | **Hình đồng dạng** | *Tam giác đồng dạng.* |  |  |  | 1  B3 |  |  |  | |  | **1**  **(10%)** | |
| *Hình đồng dạng.* | 2  C9,  C10 |  |  |  |  |  |  | |  | **0,5**  **(5%)** | |
| 6 | **Các hình khối trong thực tiễn.** | *Hình chóp tam giác đều, hình chóp tứ giác đều.* | 2  C7,  C8 |  |  |  |  | 1  (B4) |  | |  | **1,5**  **(15%)** | |
| **Tổng ( Câu – điểm)** | | | **12**  **(3đ)** | **1**  **(1đ)** |  | **4**  **(3đ)** |  | **2**  **(2đ)** |  | | **1**  **(1đ)** | **20**  **(10đ)** | |
| **Tỉ lệ %** | | | **40%** | | **30%** | | **20%** | | | **10%** | | | **100%** |
| **Tỉ lệ chung** | | | **70%** | | | | **30%** | | | | | | **100%** |

**BẢNG ĐẶC TẢ MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ II NĂM HỌC 2023-2024**

**MÔN: TOÁN - LỚP: 8 THỜI GIAN: 90 phút**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chủ đề** | **Đơn vị kiến thức** | | **Mức độ đánh giá** | | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** | | | |
| **NB** | **TH** | **VD** | **VDC** |
| **ĐẠI SỐ** | | | | | | | | | |
| 1 | **Phân thức đại số: 16 tiết (17,5%) 1,75đ** | ***Phân thức đại số. Tính chất cơ bản của phân thức đại số. Các phép toán cộng, trừ, nhân, chia các phân thức đại số*** | | **Nhận biết:**  – Nhận biết được phân thức đại số: điều kiện xác định của phân thức; hai phân thức bằng nhau; giá trị của phân thức đại số; Biết rút gọn phân thức. | | 3TN  C1  C2  C3 |  |  |  |
| **Thông hiểu:**  – Mô tả được những tính chất cơ bản của phân thức đại số. | |  | 1TL  B1a |  |  |
| **Vận dụng:**  – Thực hiện được các phép tính: phép cộng, phép trừ, phép nhân, phép chia đối với hai phân thức đại số.  – Vận dụng được các tính chất giao hoán, kết hợp, phân phối của phép nhân đối với phép cộng, quy tắc dấu ngoặc với phân thức đại số đơn giản trong tính toán. | |  |  |  |  |
| 2 | **Phương trình: 6 tiết (1,5 đ)** | ***Phương trình bậc nhất*** | | **Thông hiểu:**  – Mô tả được phương trình bậc nhất một ẩn và cách giải. | |  | 1TL  B1b |  |  |
| **Vận dụng:**   * Giải được phương trình bậc nhất một ẩn.   Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn ***(đơn giản, quen thuộc)*** gắn với phương trình bậc nhất (ví dụ: các bài toán liên quan đến chuyển động trong Vật lí, các bài toán liên quan đến Hoá học,...). | |  |  |  |  |
| **Vận dụng cao:**  – Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn *(phức hợp, không quen thuộc)* gắn với phương trình bậc nhất. | |  |  |  | 1TL  B5 |
| 3 | **Hàm số và đồ thị: 9 tiết (17,5%) 1,75đ** | ***Hàm số và đồ thị*** | | **Nhận biết:**   * Nhận biết được những mô hình thực tế dẫn đến khái niệm hàm số. * Nhận biết được đồ thị hàm số. | | 2TN  C4  C5 |  |  |  |
| **Thông hiểu:**   * Tính được giá trị của hàm số khi hàm số đó xác định bởi công thức. * Xác định được toạ độ của một điểm trên mặt phẳng toạ độ;   Xác định được một điểm trên mặt phẳng toạ độ khi biết toạ độ của nó. | |  |  |  |  |
| ***Hàm số bậc nhất y = ax + b* (*a***  ***0*) *và đồ thị. Hệ số góc của đường thẳng y = ax + b* (*a*** ***0*).** | | **Nhận biết:**  – Nhận biết được khái niệm hệ số góc của đường thẳng *y* = *ax* + *b* (*a*  0). | | 1TN  C6 |  |  |  |
| **Thông hiểu:**   * Thiết lập được bảng giá trị của hàm số bậc nhất *y* = *ax* + *b* (*a* 0).   Sử dụng được hệ số góc của đường thẳng để nhận biết và giải thích được sự cắt nhau hoặc song song của hai đường thẳng cho trước. | |  |  |  |  |
| **Vận dụng:**  – Vẽ được đồ thị của hàm số bậc nhất *y* = *ax* + *b* (*a*  0).  – Vận dụng được hàm số bậc nhất và đồ thị vào giải quyết một số bài toán thực tiễn ***(đơn giản, quen thuộc)*** (ví dụ: bài toán về chuyển động đều trong Vật lí,...). | |  |  | 1TL  B1c |  |
| **Vận dụng cao:**  – Vận dụng được hàm số bậc nhất và đồ thị vào giải quyết một số bài toán *(phức hợp, không quen thuộc)* thuộc có nội dung thực tiễn. | |  |  |  |  |
| **MỘT SỐ YẾU TỐ THỐNG KÊ.** | | | | | | | | | |
| 4 | **Một số yếu tố xác suất (2đ)** | ***Mô tả xác suất của biến cố ngẫu nhiên trong một số ví dụ đơn giản. Mối liên hệ giữa xác suất thực nghiệm của một biến cố với xác suất của biến cố đó.*** | | **Nhận biết:**  – Nhận biết được mối liên hệ giữa xác suất thực nghiệm của một biến cố với xác suất của biến cố đó thông qua một số ví dụ đơn giản. | | 2TN  C11  C12  1TL  B2a |  |  |  |
| **Vận dụng:**  – Sử dụng được tỉ số để mô tả xác suất của một biến cố ngẫu nhiên trong một số ví dụ đơn giản. | |  | 1TL  B2b |  |  |
| **HÌNH HỌC PHẲNG** | | | | | | | | | |
| 5 | **Hình đồng dạng**  1,5đ | | ***Tam giác đồng dạng*** | | **Thông hiểu:**   * Mô tả được định nghĩa của hai tam giác đồng dạng.   Giải thích được các trường hợp đồng dạng của hai tam giác, của hai tam giác vuông. . (Học sinh khuyết tật không làm câu này) |  | 1TL  B3 |  |  |
| **Vận dụng:**  – Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn ***(đơn giản, quen thuộc)*** gắn với việc vận dụng kiến thức về hai tam giác đồng dạng (ví dụ: tính độ dài đường cao hạ xuống cạnh huyền trong tam giác vuông bằng cách sử dụng mối quan hệ giữa đường cao đó với tích của hai hình chiếu của hai cạnh góc vuông lên cạnh huyền; đo gián tiếp chiều cao của vật; tính khoảng cách giữa hai vị trí trong đó có một vị trí không thể tới được,...). . (Học sinh khuyết tật không làm câu này) |  |  |  |  |
| **Vận dụng cao:**  – Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn ***(phức hợp, không quen thuộc)*** gắn với việc vận dụng kiến thức về hai tam giác đồng dạng. . (Học sinh khuyết tật không làm câu này) |  |  |  |  |
| ***Hình đồng dạng*** | | **Nhận biết:**   * Nhận biết được hình đồng dạng phối cảnh (hình vị tự), hình đồng dạng qua các hình ảnh cụ thể.   Nhận biết được vẻ đẹp trong tự nhiên, nghệ thuật, kiến trúc, công nghệ chế tạo,... biểu hiện qua hình đồng dạng. | 2TN  C9  C10 |  |  |  |
| **MỘT SỐ HÌNH KHỐI TRONG THỰC TIỄN** | | | | | | | | | |
| 6 | **Các hình khối trong thực tiễn.**  **6 tiết 1,5đ (15%)** | | ***Hình chóp tam giác đều, hình chóp tứ giác đều*** | | **Nhận biết**  – Mô tả (đỉnh, mặt đáy, mặt bên, cạnh bên) được hình chóp tam giác đều và hình chóp tứ giác đều. | 2TN  C7  C8 |  |  |  |
| **Thông hiểu.**   * Tạo lập được hình chóp tam giác đều và hình chóp tứ giác đều. * Tính được diện tích xung quanh, thể tích của một hình chóp tam giác đều và hình chóp tứ giác đều.   Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn ***(đơn giản, quen thuộc)*** gắn với việc tính thể tích, diện tích xung quanh của hình chóp tam giác đều và hình chóp tứ giác đều (ví dụ: tính thể tích hoặc diện tích xung quanh của một số đồ vật quen thuộc có dạng hình chóp tam giác đều và hình chóp tứ giác đều,...). |  |  |  |  |
| **Vận dụng.**  – Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn gắn với việc tính thể tích, diện tích xung quanh của hình chóp tam giác đều và hình chóp tứ giác đều. (Học sinh khuyết tật không làm câu này) |  |  | 1TL  B4 |  |
| Tổng | | | | |  | 12TN+ 1TL | 4 | 2 | 1 |
| Tỉ lệ % | | | | |  | 40% | 30% | 20% | 10% |
| Tỉ lệ chung | | | | |  | 70% | | 30% | |

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **UBND HUYỆN THĂNG BÌNH** | | **KIỂM TRA CUỐI KỲ II NĂM HỌC 2023-2024** | |
| **TRƯỜNG THCS LÊ ĐÌNH CHINH** | | **Môn: Toán – Lớp 8 - Đề A** | |
| ĐỀ CHÍNH THỨC  *(Đề gồm có 03 trang)* | Thời gian: 90 phút (không kể thời gian giao đề) | |

**A. TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN**: ***(3 điểm***)

*Chọn chữ cái đứng trước câu trả lời đúng nhất cho mỗi câu hỏi sau và ghi vào giấy bài làm. Chẳng hạn, câu 1 chọn phương án B thì ghi là 1B.*

**Câu 1:** Cách viết nào sau đây **không** cho một phân thức?

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **A.** . | **B.** . | **C.** . | **D.** . |

**Câu 2:** Phân thức  bằng phân thức nào sau đây ?

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **A.**. | **B.** . | **C.** . | **D.** . |

**Câu 3:** Điều kiện của biến x để phân thức  được xác định là

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **A.**. | **B.** . | **C.** . | **D.**  và . |

**Câu 4:** Nhiệt độ cơ thể d (°C) của bệnh nhân theo thời gian h (giờ) trong ngày được ghi trong bảng sau:

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| h (giờ) | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 |
| d (°C) | 36 | 37 | 36 | 37 | 38 | 37 | 38 | 39 | 39 |

Đại lượng nào là hàm số và biến số có trong bảng trên

**A**. Đại lượng nhiệt độ d là biến số của hàm số h.

**B.** Đại lượng nhiệt độ d là hàm số.

**C.** Đại lượng chỉ giờ h là hàm số.

**D.** Đại lượng nhiệt độ d là hàm số của biến số h chỉ giờ trong ngày.

**Câu 5:**Đồ thị hàm số là

|  |  |
| --- | --- |
| **A.** một đoạn thẳng. | **B.** một đường thẳng đi qua gốc tọa độ. |
| **C.** một đường thẳng. | **D.** một đoạn thẳng đi qua gốc tọa độ. |

**Câu 6:** Hệ số góc của đường thẳng y = 2 – x là

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **A.** 2 | **B.** -2 | **C.** 1. | **D.** - 1 |

**Câu 7:**Mặt bên của hình chóp tam giác đều là hình gì?

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **A.** Tam giác nhọn. | **B.** Tam giác cân. | **C.** Tam giác vuông. | **D.** Tam giác đều. |

**Câu 8:** Mặt đáy của hình chóp tứ giác đều là

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **A.** hình bình hành. | **B.** hình chữ nhật. | **C.** hình vuông. | **D.** hình thoi. |

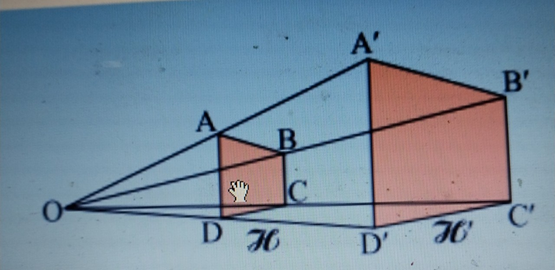
**Câu 9:** Cho các hình vẽ sau:

|  |  |
| --- | --- |
|  |  |
|  |  |

Trong các cặp hình trên, có bao nhiêu cặp hình là hai hình đồng dạng?

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **A.** 1. | **B**. 2. | **C.** 3. | **D**. 4. |

**Câu 10:** Cặp hình H và H’ được gọi là



|  |  |
| --- | --- |
| **A.** Hình đồng dạng phối cảnh. | **B.** Hình sao chép. |
| **C.** Hình giống nhau. | **D.** Hình to hình bé. |

**Quan sát bảng thống kê sau và thực hiện các câu hỏi 11; 12.**

Một cơ quan quản lí đã thống kê được số lượt khách đến tham quan di tích X trong năm qua như sau:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Quý | Quý 1 | Quý 2 | Quý 3 | Quý 4 |
| Số lượt khách | 137 | 100 | 145 | 150 |

**Câu 11:** Số lượt khách đến tham quan di tích X trong năm qua là

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **A .**150. | **B.** 100. | **C.** 266 . | **D.** 532. |

**Câu 12:** Kết quả xác suất thực nghiệm của biến cố E “Khách đến tham quan di tích X trong quý 3 và quý 4” bằng

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **A.** . | **B.** . | **C.** . | **D.** 295. |

**II. PHẦN TỰ LUẬN** (7,0 điểm)

**Bài 1:**(2,5điểm)

a) Dùng tính chất cơ bản của phân thức, giải thích vì sao ;

b) Giải phương trình sau: 5x – 12 = 3;

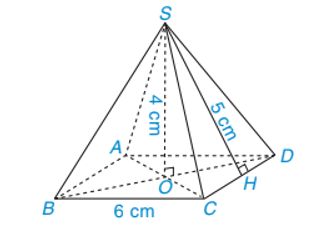
c) Vẽ đồ thị hàm số y = 2x – 2.

**Bài 2:** (1,5 điểm) Bạn Bình thực nghiệm gieo một con xúc xắc.

1. Liệt kê các kết quả có thể của thực nghiệm trên.
2. Tính xác suất của biến cố A: “Số chấm xuất hiện trên con xúc xắc là hợp số’’.

**Bài 3:** (1,0 điểm) Cho tam giác ABC có AB = 4cm. Điểm D thuộc cạnh AC có AD = 2 cm, DC = 6 cm. Chứng minh .

**Bài 4:** (1,0 điểm)Một hình chóp tứ giác đều S.ABCD có độ dài cạnh đáy bằng 6 cm, độ dài trung đoạn bằng 5 cm và chiều cao bằng 4 cm. Tính diện tích xung quanh của hình chóp tứ giác đều đó?

****

**Bài 5:** (1,0 điểm) Biết rằng trong 500g dung dịch nước muối chứa 150g muối nguyên chất. Hỏi cần phải thêm vào dung dịch đó bao nhiêu gam nước để dung dịch có nồng độ là 20%.

**-------------- Hết ------------**

**Tổ trưởng chuyên môn Người ra đề**

**Phan Thị Thảo Linh Nguyễn Văn Châu**

|  |  |
| --- | --- |
|  |  |

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **UBND HUYỆN THĂNG BÌNH** | | **KIỂM TRA CUỐI KỲ II NĂM HỌC 2023-2024** | |
| **TRƯỜNG THCS LÊ ĐÌNH CHINH** | | **Môn: Toán – Lớp 8 - Đề B** | |
| ĐỀ CHÍNH THỨC  *(Đề gồm có 03 trang)* | Thời gian: 90 phút (không kể thời gian giao đề) | |

**A. TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN**: ***(3 điểm***)

*Chọn chữ cái đứng trước câu trả lời đúng nhất cho mỗi câu hỏi sau và ghi vào giấy bài làm. Chẳng hạn, câu 1 chọn phương án B thì ghi là 1B.*

**Câu 1:** Nhiệt độ cơ thể d (°C) của bệnh nhân theo thời gian h (giờ) trong ngày được ghi trong bảng sau:

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| h (giờ) | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 |
| d (°C) | 36 | 37 | 36 | 37 | 38 | 37 | 38 | 39 | 39 |

Đại lượng nào là hàm số và biến số có trong bảng trên

**A**. Đại lượng nhiệt độ d là biến số của hàm số h.

**B.** Đại lượng nhiệt độ d là hàm số.

**C.** Đại lượng chỉ giờ h là hàm số.

**D.** Đại lượng nhiệt độ d là hàm số của biến số h chỉ giờ trong ngày.

**Câu 2:**Mặt bên của hình chóp tam giác đều là hình gì?

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **A.** Tam giác nhọn. | **B.** Tam giác cân. | **C.** Tam giác vuông. | **D.** Tam giác đều. |

**Câu 3:** Mặt đáy của hình chóp tứ giác đều là

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **A.** hình bình hành. | **B.** hình chữ nhật. | **C.** hình vuông. | **D.** hình thoi. |

**Câu 4:** Cách viết nào sau đây **không** cho một phân thức?

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **A.** . | **B.** . | **C.** . | **D.** . |

**Câu 5:** Phân thức  bằng phân thức nào sau đây ?

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **A.**. | **B.** . | **C.** . | **D.** . |

**Câu 6:** Điều kiện của biến x để phân thức  được xác định là

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **A.**. | **B.** . | **C.** . | **D.**  và . |

**Câu 7:**Đồ thị hàm số là

|  |  |
| --- | --- |
| **A.** một đoạn thẳng. | **B.** một đường thẳng đi qua gốc tọa độ. |
| **C.** một đường thẳng. | **D.** một đoạn thẳng đi qua gốc tọa độ. |

**Câu 8:** Hệ số góc của đường thẳng y = 2 – x là

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **A.** 2 | **B.** -2 | **C.** 1. | **D.** - 1 |

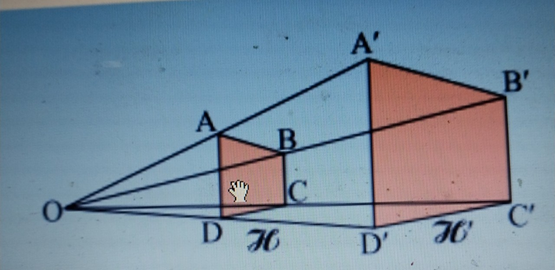
**Câu 9:** Cho các hình vẽ sau:

|  |  |
| --- | --- |
|  |  |
|  |  |

Trong các cặp hình trên, có bao nhiêu cặp hình là hai hình đồng dạng?

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **A.** 1. | **B**. 2. | **C.** 3. | **D**. 4. |

**Câu 10:** Cặp hình H và H’ được gọi là



|  |  |
| --- | --- |
| **A.** Hình đồng dạng phối cảnh. | **B.** Hình sao chép. |
| **C.** Hình giống nhau. | **D.** Hình to hình bé. |

**Quan sát bảng thống kê sau và thực hiện các câu hỏi 11; 12.**

Một cơ quan quản lí đã thống kê được số lượt khách đến tham quan di tích X trong năm qua như sau:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Quý | Quý 1 | Quý 2 | Quý 3 | Quý 4 |
| Số lượt khách | 137 | 100 | 145 | 150 |

**Câu 11:** Số lượt khách đến tham quan di tích X trong năm qua là

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **A .**150. | **B.** 100. | **C.** 266 . | **D.** 532. |

**Câu 12:** Kết quả xác suất thực nghiệm của biến cố E “Khách đến tham quan di tích X trong quý 3 và quý 4” bằng

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **A.** . | **B.** . | **C.** . | **D.** 295. |

**II. PHẦN TỰ LUẬN** (7,0 điểm)

**Bài 1:** (2,5điểm)

a) Dùng tính chất cơ bản của phân thức, giải thích vì sao ;

b) Giải phương trình sau: 5x – 12 = 3;

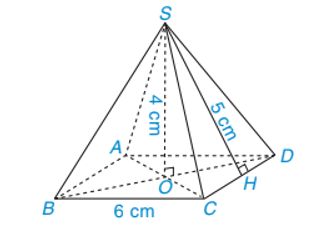
c) Vẽ đồ thị hàm số y = 2x – 2.

**Bài 2:** (1,5 điểm) Bạn Bình thực nghiệm gieo một con xúc xắc.

1. Liệt kê các kết quả có thể của thực nghiệm trên.
2. Tính xác suất của biến cố A: “Số chấm xuất hiện trên con xúc xắc là hợp số’’.

**Bài 3:** (1,0 điểm) Cho tam giác ABC có AB = 4cm. Điểm D thuộc cạnh AC có AD = 2 cm, DC = 6 cm. Chứng minh .

**Bài 4:** (1,0 điểm)Một hình chóp tứ giác đều S.ABCD có độ dài cạnh đáy bằng 6 cm, độ dài trung đoạn bằng 5 cm và chiều cao bằng 4 cm. Tính diện tích xung quanh của hình chóp tứ giác đều đó?

****

**Bài 5:** (1,0 điểm) Biết rằng trong 500g dung dịch nước muối chứa 150g muối nguyên chất. Hỏi cần phải thêm vào dung dịch đó bao nhiêu gam nước để dung dịch có nồng độ là 20%.

**-------------- Hết ------------**

**Tổ trưởng chuyên môn Người ra đề**

**Phan Thị Thảo Linh Nguyễn Văn Châu**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| |  |  |  | | --- | --- | --- | | **UBND HUYỆN THĂNG BINH** | **KIỂM TRA CUỐI KỲ II NĂM HỌC 2023-2024** | | | **TRƯỜNG THCS LÊ ĐÌNH CHINH** | | **Môn: Toán – Lớp 8** | | | HƯỚNG DẪN CHẤM  *(Hướng dẫn chấm gồm có 02 trang)* | Thời gian: 90 phút (không kể thời gian giao đề) | | |  |

**A. TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN:** *(3 điểm)*

*Điểm phần trắc nghiệm mỗi câu đúng được 0,25 điểm.*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | **1** | **2** | **3** | **4** | **5** | **6** | **7** | **8** | **9** | **10** | **11** | **12** |
| **Đáp án đề A** | **C** | **B** | **A** | **D** | **C** | **D** | **B** | **C** | **B** | **A** | **D** | **B** |
| **Đáp án đề B** | **D** | **B** | **C** | **C** | **B** | **A** | **C** | **D** | **B** | **A** | **D** | **B** |

**B. TỰ LUẬN:** *(7 điểm)*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Bài** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **Bài 1a**  1,0 đ | a) Dùng tính chất cơ bản của phân thức, giải thích vì sao |  |
| Áp dụng tính chất cơ bản của phân thức, ta có: | 0,5 |
|  | 0,25 |
| Vậy . | 0,25 |
| **Bài 1b**  0,5 đ | b) Giải phương trình sau: |  |
|  | 0,2 |
|  | 0,1 |
|  | 0,1 |
| Vậy nghiệm của phương trình là. | 0,1 |
| **Bài 1c**  1,0 đ | c) Vẽ đồ thị hàm số |  |
| Xác định được hai điểm thuộc đồ thị. | 0,5 |
| Vẽ đúng đồ thị. | 0,5 |
| **Bài 2a**  0,5 đ | 1. Các kết quả có thể của thực nghiệm trên là 1; 2; 3; 4; 5; 6. | 0,5 |
| **Bài 2b**  1,0 đ | b) Có 6 kết quả có thể đó là đồng khả năng.  Các kết quả thuận lợi cho biến cố A là {4;6}  Vậy có 2 hai kết quả thuận lợi cho biến cố A | 0,25  0,25 |
| Do đó P(A) =  = . | 0,5 |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Bài 3**  (1,0 đ) | Vẽ đúng hình  B  D  C  A    2  4  6    Ta có: AC = AD + DC = 2 + 6 = 8    Mà **=** (cùng chung góc A)  Vậy (c-g-c). | 0,2  0,2  0,2  0,2  0,2 |
| **Bài 4**  (1,0 đ) | Chu vi đáy của hình chóp tứ giác đều là 6. 4 = 24 cm | 0,5 |
| Diện tích xung quanh của hình chóp tứ giác đều là  (cm2). | 0,5 |
| **Bài 5**  1,0 đ | Gọi x(g) là khối lượng nước cần thêm vào dung dịch (x>0) | 0,2 |
| Khối lượng dung dịch mới là (gam) | 0,1 |
| Theo đề ta có phương trình . | 0,4 |
| Giải phương trình tìm được (Thoả mãn điều kiện) | 0,2 |
| Vậy cần thêm vào dung dịch 250 gam nước. | 0,1 |

*\*Lưu ý: HS giải theo cách khác mà đúng vẫn ghi điểm tối đa.*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Tổ trưởng chuyên môn**    **Phan Thị Thảo Linh** |  | **Người ra đề**  **Nguyễn Văn Châu** |

\****Chú ý:*** *Giám khảo chấm căn cứ vào bài làm của học sinh để cho điểm; nếu học sinh làm cách khác đúng thì tổ chấm thống nhất cho điểm tối đa theo thang điểm trên.*

*--------------* **Hết** *----------*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **UBND HUYỆN THĂNG BÌNH** | **KIỂM TRA CUỐI KỲ II NĂM HỌC 2023-2024** | | |
| **TRƯỜNG THCS LÊ ĐÌNH CHINH** | **Môn: Toán – Lớp 8** | | |
| **ĐỀ CHÍNH THỨC**  **Dành cho HSKT**  *(Đề gồm có 03 trang)* | | Thời gian: 90 phút (không kể thời gian giao đề) |

**A. TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN**: ***(6 điểm***)

*Chọn chữ cái đứng trước câu trả lời đúng nhất cho mỗi câu hỏi sau và ghi vào giấy bài làm. Chẳng hạn, câu 1 chọn phương án B thì ghi là 1B.*

**Câu 1:** Cách viết nào sau đây **không** cho một phân thức?

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **A.** . | **B.** . | **C.** . | **D.** . |

**Câu 2:** Phân thức  bằng phân thức nào sau đây ?

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **A.**. | **B.** . | **C.** . | **D.** . |

**Câu 3:** Điều kiện của biến x để phân thức  được xác định là

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **A.**. | **B.** . | **C.** . | **D.**  và . |

**Câu 4:** Nhiệt độ cơ thể d (°C) của bệnh nhân theo thời gian h (giờ) trong ngày được ghi trong bảng sau:

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| h (giờ) | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 |
| d (°C) | 36 | 37 | 36 | 37 | 38 | 37 | 38 | 39 | 39 |

Đại lượng nào là hàm số và biến số có trong bảng trên

**A**. Đại lượng nhiệt độ d là biến số của hàm số h.

**B.** Đại lượng nhiệt độ d là hàm số.

**C.** Đại lượng chỉ giờ h là hàm số.

**D.** Đại lượng nhiệt độ d là hàm số của biến số h chỉ giờ trong ngày.

**Câu 5:**Đồ thị hàm số là

|  |  |
| --- | --- |
| **A.** một đoạn thẳng. | **B.** một đường thẳng đi qua gốc tọa độ. |
| **C.** một đường thẳng. | **D.** một đoạn thẳng đi qua gốc tọa độ. |

**Câu 6:** Hệ số góc của đường thẳng y = 2 – x là

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **A.** 2 | **B.** -2 | **C.** 1. | **D.** - 1 |

**Câu 7:**Mặt bên của hình chóp tam giác đều là hình gì?

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **A.** Tam giác nhọn. | **B.** Tam giác cân. | **C.** Tam giác vuông. | **D.** Tam giác đều. |

**Câu 8:** Mặt đáy của hình chóp tứ giác đều là

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **A.** hình bình hành. | **B.** hình chữ nhật. | **C.** hình vuông. | **D.** hình thoi. |

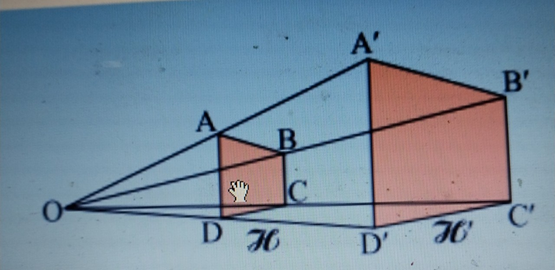
**Câu 9:** Cho các hình vẽ sau:

|  |  |
| --- | --- |
|  |  |
|  |  |

Trong các cặp hình trên, có bao nhiêu cặp hình là hai hình đồng dạng?

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **A.** 1. | **B**. 2. | **C.** 3. | **D**. 4. |

**Câu 10:** Cặp hình H và H’ được gọi là



|  |  |
| --- | --- |
| **A.** Hình đồng dạng phối cảnh. | **B.** Hình sao chép. |
| **C.** Hình giống nhau. | **D.** Hình to hình bé. |

**Quan sát bảng thống kê sau và thực hiện các câu hỏi 11; 12.**

Một cơ quan quản lí đã thống kê được số lượt khách đến tham quan di tích X trong năm qua như sau:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Quý | Quý 1 | Quý 2 | Quý 3 | Quý 4 |
| Số lượt khách | 137 | 100 | 145 | 150 |

**Câu 11:** Số lượt khách đến tham quan di tích X trong năm qua là

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **A .**150. | **B.** 100. | **C.** 266 . | **D.** 532. |

**Câu 12:** Kết quả xác suất thực nghiệm của biến cố E “Khách đến tham quan di tích X trong quý 3 và quý 4” bằng

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **A.** . | **B.** . | **C.** . | **D.** 295. |

**II. PHẦN TỰ LUẬN** (4,0 điểm)

**Bài 1:** (2,0 điểm)

a) Dùng tính chất cơ bản của phân thức, giải thích vì sao ;

b) Giải phương trình sau: 5x – 12 = 3;

**Bài 2:** (2,0 điểm) Bạn Bình thực nghiệm gieo một con xúc xắc.

1. Liệt kê các kết quả có thể của thực nghiệm trên.
2. Tính xác suất của biến cố A: “Số chấm xuất hiện trên con xúc xắc là hợp số’’.

**-------------- Hết ------------**

**Tổ trưởng chuyên môn Người ra đề**

**Phan Thị Thảo Linh Nguyễn Văn Châu**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **UBND HUYỆN THĂNG BINH** | **KIỂM TRA CUỐI KỲ II NĂM HỌC 2023-2024** | |
| **TRƯỜNG THCS LÊ ĐÌNH CHINH**  HƯỚNG DẪN CHẤM  Dành cho HSKT | | **Môn: Toán – Lớp 8** | |
| *(Hướng dẫn chấm gồm có 02 trang)* | Thời gian: 90 phút (không kể thời gian giao đề) | |

**A. TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN:** *(6 điểm)*

*Điểm phần trắc nghiệm mỗi câu đúng được 0,5 điểm.*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | **1** | **2** | **3** | **4** | **5** | **6** | **7** | **8** | **9** | **10** | **11** | **12** |
| **Đáp án đề A** | **C** | **B** | **A** | **D** | **C** | **D** | **B** | **C** | **B** | **A** | **D** | **B** |
| **Đáp án đề B** | **D** | **B** | **C** | **C** | **B** | **A** | **C** | **D** | **B** | **A** | **D** | **B** |

**B. TỰ LUẬN:** *(4 điểm)*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Bài** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **Bài 1a**  1,0 đ | a) Dùng tính chất cơ bản của phân thức, giải thích vì sao |  |
| Áp dụng tính chất cơ bản của phân thức, ta có: | 0,5 |
|  | 0,25 |
| Vậy . | 0,25 |
| **Bài 1b**  1,0 đ | b) Giải phương trình sau: |  |
|  | 0,25 |
|  | 0,25 |
|  | 0,25 |
| Vậy nghiệm của phương trình là. | 0,25 |
| **Bài 2a**  0,5 đ | a. Các kết quả có thể của thực nghiệm trên là 1; 2; 3; 4; 5; 6. | 0,5 |
| **Bài 2b**  1,5 đ | b, Có 6 kết quả có thể đó là đồng khả năng.  Các kết quả thuận lợi cho biến cố A là {4;6}  Vậy có 2 hai kết quả thuận lợi cho biến cố A | 0,5  0,5 |
| Do đó P(A) =  = . | 0,5 |

*\*Lưu ý: HS giải theo cách khác mà đúng vẫn ghi điểm tối đa.*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Tổ trưởng chuyên môn**    **Phan Thị Thảo Linh** |  | **Người ra đề**  **Nguyễn Văn Châu** |

\****Chú ý:*** *Giám khảo chấm căn cứ vào bài làm của học sinh để cho điểm; nếu học sinh làm cách khác đúng thì tổ chấm thống nhất cho điểm tối đa theo thang điểm trên.*

*--------------* **Hết** *----------*